

Bài 20 NHÍM NÂU KẾT BẠN (6 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Đọc đúng các từ khó, biết cách đọc lời nói, lời thoại của các nhân vật trong bài đọc *Nhím nâu kết bạn*. Nhận biết được ý nghĩa, giá trị của tình cảm bạn bè (qua bài đọc và tranh minh hoạ); hiểu vì sao nhím nâu có sự thay đổi – từ nhút nhát, trở nên mạnh dạn, thích sống cùng bè bạn.
Tìm đọc mở rộng được các bài viết về hoạt động của học sinh ở trường.
2. Nghe – viết đúng chính tả một đoạn văn (theo *Nhím nâu kết bạn*); biết viết hoa chữ cái đầu dòng và đầu câu. Làm đúng các bài tập chính tả phân biệt, trong đó phân biệt *g/gh* (bài tập chính tả toàn dân), phân biệt *iu/ưu, iên/iêng* (bài tập chính tả phương ngữ). Có kĩ năng viết đoạn văn để kể về một giờ ra chơi ở trường.
3. a. Phát triển vốn từ ngữ chỉ hoạt động, đặc điểm; đặt được câu nói về hoạt động của học sinh.
b. Biết nói lời xin lỗi và đáp lời xin lỗi bạn bè. Biết nói với bạn về một hoạt động ở trường mà mình thích.
4. Bồi dưỡng tình cảm bạn bè; hình thành và phát triển năng lực quan sát (quan sát giờ ra chơi, các hoạt động ở trường), năng lực tự học (tìm đọc thêm sách báo); có tinh thần hợp tác trong làm việc nhóm.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

- Đặc điểm VB tự sự (nhân đề, sự việc, nhân vật, lời nhân vật, hành động của nhân vật, cách thể hiện đặc điểm nhân vật và quan hệ giữa các nhân vật,...).
- Nghi thức nói và đáp lời xin lỗi trong cuộc sống giao tiếp thường ngày.
- Phương pháp dạy học tích cực, phát huy trải nghiệm, tăng cường thực hành giao tiếp.

2. Phương tiện dạy học

- Tranh ảnh minh hoạ cho nội dung *Khởi động*; tranh minh hoạ bài đọc, minh hoạ các tình huống giao tiếp trong phần luyện tập sau đọc VB.
- Các thẻ từ và phiếu học tập: để làm bài tập chính tả hoặc để HS luyện tập về từ và câu,...

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 - 2

ÔN BÀI CŨ

HS nêu nội dung, ý nghĩa của bài *Chữ A và những người bạn* hoặc nói về một số điều mình cảm thấy thú vị.

ĐỌC

1. Khởi động

– GV yêu cầu HS làm việc nhóm: *Kể những đức tính tốt của bạn; Nói về những đức tính của bạn mà em muốn học tập.*

(GV hướng dẫn HS quan sát tranh khởi động và liên hệ tới một người bạn của mình: Trong mỗi tranh, các bạn khen nhau điều gì? Theo em, các bạn ấy sẽ học tập đức tính gì của nhau? Em chơi thân với bạn nào? Mọi người hay khen bạn ấy về điều gì? Bạn ấy có những đức tính tốt nào? Em muốn học tập đức tính nào của bạn?...)

– Đại diện một số nhóm chia sẻ trước lớp.

2. Đọc văn bản

– GV hướng dẫn cả lớp:

+ GV giới thiệu VB *Nhím nâu kết bạn*. (VD: Câu chuyện thể hiện tình cảm tốt đẹp giữa nhím trắng và nhím nâu. Nhờ tình cảm chân thành của nhím trắng, nhím nâu đã có sự thay đổi: từ chỗ nhút nhát, trở nên mạnh dạn, thích sống cùng bạn bè. Tình bạn đã làm cho cuộc sống của các bạn vui hơn.)

+ GV đọc mẫu toàn VB. Chú ý đọc đúng lời người kể và lời nhân vật. Ngắt giọng, nhấn giọng đúng chỗ. HS đọc thầm VB trong khi nghe GV đọc mẫu.

+ GV hướng dẫn HS luyện đọc những câu dài. (VD: *Chúng trải qua/ những ngày vui vẻ,/ ấm áp vì không phải sống một mình/ giữa mùa đông lạnh giá.*)

+ GV hướng dẫn HS hiểu nghĩa các từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* hoặc đưa thêm những từ ngữ HS có thể chưa hiểu. (VD: *nhút nhát, mạnh dạn, trang trí...*)

+ GV hướng dẫn HS luyện đọc một số từ ngữ có thể khó đọc đối với các em. (VD: *nhút nhát, trú ngụ, trang trí...*)

+ GV hướng dẫn HS chia VB thành 3 đoạn. Đoạn 1: từ đầu đến *vẫn sợ hãi*. Đoạn 2: tiếp theo đến *cùng tôi nhé*. Đoạn 3: còn lại.

– HS luyện đọc theo nhóm/ cặp, cá nhân:

+ HS đọc nối tiếp từng đoạn trong nhóm/ cặp.

+ Từng HS đọc thầm toàn bài hoặc đọc cho nhau nghe.

+ GV giúp đỡ HS gặp khó khăn khi đọc bài, tuyên dương HS đọc tiến bộ.

– GV/ HS đọc lại toàn bộ VB:

- + HS lắng nghe GV đọc diễn cảm cả bài.
- + HS tập đọc một đoạn mình thích, dựa theo cách đọc của GV.

3. Trả lời câu hỏi

GV có thể tổ chức cho HS trả lời các câu hỏi theo cách sau đây:

Câu 1. *Chi tiết nào cho thấy nhím nâu rất nhút nhát?*

- + HS đọc kĩ đoạn văn 1 và 2.
- + Từng HS suy nghĩ trả lời câu hỏi hoặc trao đổi nhóm.
- + HS hoặc đại diện nhóm trả lời trước lớp.
- + GV và HS nhận xét, thống nhất câu trả lời. (VD: nhím nâu *lúng túng, nói lí nhí, nấp vào bụi cây, cuộn tròn người, sợ hãi; run run* khi bước vào nhà nhím trắng.)

Câu 2. *Kể về những lần nhím trắng và nhím nâu gặp nhau.*

- + HS xem lại đoạn văn 1 và 2.
- + HS tìm câu trả lời hoặc trao đổi nhóm, thống nhất câu trả lời trong nhóm.
- + HS hoặc đại diện nhóm trả lời trước lớp.
- + GV và HS nhận xét, thống nhất câu trả lời. (VD: Lần 1, nhím trắng và nhím nâu gặp nhau vào một buổi sáng, khi nhím nâu đang đi kiểm quả cây. Lần 2, chúng gặp lại nhau khi nhím nâu tránh mưa đúng vào nhà của nhím trắng.)

Câu 3. *Theo em, vì sao nhím nâu nhận lời kết bạn cùng nhím trắng?*

- + HS xem lại đoạn 3 (chú ý câu thể hiện suy nghĩ của nhím nâu).
- + Từng HS suy nghĩ trả lời câu hỏi.
- + HS trao đổi nhóm để tìm câu trả lời.
- + Đại diện nhóm trình bày ý kiến.
- + GV và HS nhận xét, đánh giá ý kiến của các nhóm.
- + GV và HS nhận xét, thống nhất câu trả lời. (VD: Vì nhím nâu thấy nhím trắng tốt bụng, thân thiện, vui vẻ,...; nhím nâu đã nhận ra: không có bạn thì rất buồn.)

Câu 4. *Nhờ đâu nhím trắng và nhím nâu có những ngày mùa đông vui vẻ, ấm áp?*

- + HS xem lại câu cuối trong đoạn văn 3 và quan sát tranh minh hoạ bài đọc.
- + Từng HS suy nghĩ trả lời câu hỏi hoặc GV cho HS hoạt động nhóm.
- + HS hoặc đại diện nhóm trả lời trước lớp.
- + GV và HS nhận xét, thống nhất câu trả lời. (VD: Vì nhím trắng và nhím nâu không phải sống một mình giữa mùa đông lạnh giá.)

4. Luyện đọc lại

- HS lắng nghe GV đọc diễn cảm cả bài.
- HS tập đọc lại các đoạn dựa theo cách đọc của GV.

5. Luyện tập theo văn bản đọc

Câu 1. Đóng vai nhím trắng, nhím nâu trong lần gặp lại để nói tiếp câu:

+ HS xem lại đoạn văn 3 và quan sát tranh minh hoạ tình huống.

+ Từng HS hoàn thiện các câu nói.

+ GV và HS nhận xét, thống nhất câu trả lời (VD: Xin lỗi, mình đã vào nhà bạn mà không xin phép; Xin lỗi, mình đã tự tiện vào nhà bạn; Xin lỗi, mình không biết đây là nhà của bạn. Vì vậy, đã tự ý vào trú mưa... Đừng ngại, gặp lại bạn là mình rất vui; Đừng ngại, mình vui vì giúp được bạn mà; Đừng ngại, bạn cứ vào nhà mình mà trú mưa, bạn ở lại nhà tôi nhé!,...).

+ Từng cặp HS đóng vai để thể hiện tình huống. GV có thể cho nhiều HS thực hành giao tiếp.

+ GV nhận xét, ghi nhận những HS nói lưu loát, diễn cảm.

Câu 2. Đóng vai Bình và An để nói và đáp lời xin lỗi trong tình huống: Bình vô tình va vào An, làm An ngã.

+ GV có thể đưa tranh minh hoạ tình huống xảy ra giữa Bình và An.

+ HS làm việc nhóm, (dựa theo tình huống trong bài tập 1 ở trên) tìm lời xin lỗi và lời đáp.

+ Đại diện nhóm trình bày. HS các nhóm khác nhận xét.

+ GV nhận xét, ghi nhận những lời nói và đáp phù hợp (VD: Xin lỗi bạn, mình không cố ý./ Ừ, không sao đâu. Mình biết là bạn sơ ý mà; Bạn cho mình xin lỗi nhé./ Không có gì đâu, bạn đừng ngại; Ôi, mình vô ý quá. Mình xin lỗi bạn./ Không sao đâu. Nhìn này, mình chẳng đau gì cả,...).

+ Từng cặp HS đóng vai Bình, An để nói và đáp lời xin lỗi phù hợp với tình huống.

+ HS và GV nhận xét (về ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ,...) và bình chọn cặp đôi đóng vai đạt nhất.

TIẾT 3

VIẾT

1. Nghe – viết

– GV và 1 – 2 HS đọc đoạn nghe – viết.

– GV hướng dẫn chung:

+ Lưu ý HS một số vấn đề chính tả trong đoạn viết. VD: Viết hoa chữ cái đầu câu, giữa các cụm từ trong mỗi câu có dấu phẩy, kết thúc câu có dấu chấm. Chữ dễ viết sai chính tả: *trắng, giữa, giá*,... Đánh dấu thanh đúng vị trí với các chữ: *giữa, mùa, giá*,...

+ Yêu cầu HS ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng cách.

- + GV đọc từng câu cho HS viết. Những câu dài cần đọc theo từng cụm từ. Mỗi cụm từ đọc 2 – 3 lần. Cần đọc chính xác, rõ ràng, chậm rãi phù hợp tốc độ viết của HS.
- + Sau khi HS đã viết xong, GV đọc lại cả bài một lần nữa và yêu cầu HS soát lỗi.
- + HS đổi vở cho nhau để soát lỗi.
- + GV kiểm tra bài viết của HS, chấm nhanh một số bài và nhận xét.

2. Chọn *g* hoặc *gh* thay cho ô vuông.

- Một HS đọc yêu cầu của bài tập, cả lớp đọc thầm theo.
- GV trình chiếu ngữ liệu bài tập (hoặc phát phiếu bài tập cho HS) và yêu cầu HS nhớ lại quy tắc chính tả đã học ở lớp 1: Khi nào viết *g*? Khi nào viết *gh*?
- Từng HS tìm đúng chữ để thay cho ô vuông.
- GV có thể tổ chức cho 2 – 3 nhóm thi làm bài đúng, nhanh và đọc kết quả trước lớp.
- GV và HS nhận xét, chốt đáp án. (**g**ặp bạn, **G**óp thành; quả **g**ấc, **g**ặp được; **gh**é vào)

3. Chọn a hoặc b.

- HS làm bài tập theo yêu cầu của GV (bài a hoặc b).
 - Một HS đọc yêu cầu của bài tập, cả lớp đọc thầm theo.
 - Dựa theo mẫu, HS tìm các từ chứa tiếng có *iu* hoặc *iu*; *iên* hoặc *iêng*. GV có thể tổ chức dưới hình thức trao đổi nhóm, thi đua, đố vui,... Có thể sử dụng phiếu học tập hoặc thẻ từ ngữ. Với thẻ từ, mỗi từ sẽ viết vào một thẻ; đếm số thẻ để suy ra số từ tìm được.
 - GV và HS nhận xét, chốt đáp án.
- + *rúu rít, nâng niu, buồn thiu, cái rìu, bũu môi, khắng khiu, nặng trĩu, dễ chịu*,...
- + *lưu luyến, bưu thiếp, cứu giúp, hạt lựu, mưu trí, sâu tâm, tựu trường*,...
- + *mái hiên, cô tiên, tiến bộ, cửa biển, con kiến*,...
- + *chao liêng, ngả nghiêng, siêng năng, lười biếng*,...
- Lưu ý: Nếu còn thời gian, GV có thể cho HS viết vào vở 2 từ ngữ vừa tìm được.

TIẾT 4

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Xếp các từ ngữ vào nhóm thích hợp.

- HS đọc yêu cầu của bài tập.
- HS làm bài tập theo nhóm.
- GV có thể viết sẵn từ ngữ vào các thẻ rời (làm thành nhiều bộ, phát cho các nhóm HS) để các nhóm HS cùng sắp xếp các thẻ từ này. Cũng có thể cho HS làm bài vào vở bài tập.
- Một số (2 – 3) nhóm HS trình bày kết quả.
- GV và HS nhận xét bài làm của các nhóm và thống nhất đáp án:

- a. Từ ngữ chỉ hoạt động: *nhường bạn, giúp đỡ, chia sẻ.*
- b. Từ ngữ chỉ đặc điểm: *hiền lành, chăm chỉ, tươi vui.*

2. Chọn từ ngữ chỉ hoạt động đã tìm được ở bài tập 1 thay cho ô vuông.

- HS đọc bài tập, nêu lại yêu cầu của bài tập.
- HS nêu lại các từ ngữ chỉ hoạt động đã tìm được ở bài tập 1: *nhường bạn, giúp đỡ, chia sẻ.*
- GV hướng dẫn HS trao đổi nhóm, quan sát tranh để lựa chọn từ ngữ cần điền. (Có thể đưa câu hỏi gợi ý: 1. Ai đã biết san sẻ, chia bớt cái hay, cái ngon với bạn bè, để tất cả cùng hưởng?, 2. Ai đã biết giúp bạn để bạn bớt khó khăn, có thể học tập tốt hơn?, 3. Ai đã nhận phần thiệt về mình, để bạn bè được hưởng phần tốt hơn?...)
- Đại diện một số nhóm trình bày kết quả.
- GV và HS thống nhất đáp án: a. *chia sẻ*; b. *giúp đỡ*; c. *nhường bạn*. (GV có thể mở rộng, giáo dục phẩm chất tốt đẹp cho HS về tình cảm bạn bè.)

3. Đặt một câu về hoạt động của các bạn trong tranh.

- HS quan sát tranh; nêu yêu cầu của bài tập.
- HS trao đổi nhóm đôi để hiểu nội dung từng tranh, nêu được hoạt động của các bạn trong tranh, từ đó đặt câu nói về hoạt động của các bạn.
- Đại diện một số nhóm trình bày kết quả.
- GV khuyến khích HS đặt nhiều câu khác nhau cho cùng một tranh và ghi nhận những câu phù hợp. (VD: Tranh 1: Bạn Lan cho bạn Hải mượn bút; Bạn Hải nhận bút bạn Lan đưa,... Tranh 2: Các bạn đến thăm Hà ốm; Hà ốm, đang nằm trên giường... Tranh 3: Bạn Liên lau bàn ghế; Bạn Hoà lau cửa kính; Các bạn đang trực nhật,... Tranh 4: Các bạn cùng nhảy múa; Bạn Liên đang nhảy; Bạn Hoà đang múa; Bạn Thuỷ đang hát,...)

TIẾT 5 – 6

LUYỆN VIẾT ĐOẠN

1. Kể tên một số hoạt động của học sinh trong giờ ra chơi.

- HS quan sát tranh.
 - HS làm việc nhóm: dựa vào tranh và liên hệ thực tế ở trường để kể tên một số hoạt động của học sinh trong giờ ra chơi.
 - GV có thể chuẩn bị một số thẻ trắng để các nhóm viết tên một số hoạt động của HS trong giờ ra chơi vào từng thẻ.
 - Đại diện các nhóm trình bày kết quả.
 - GV và HS thống nhất kết quả (VD: đọc sách, đá cầu, đuổi bắt, trốn tìm,...).
- Lưu ý:* GV cũng có thể tổ chức cho HS làm bài trong vở bài tập, hoặc chuyển bài tập này sang dạng trò chơi để tạo hứng thú học tập cho HS.

2. Viết 3 – 4 câu kể về một giờ ra chơi ở trường em.

- HS đọc yêu cầu của bài.
- GV hướng dẫn HS viết đoạn văn qua câu hỏi gợi ý trong SHS.
- HS trao đổi nhóm đôi.
- Đại diện một số (3 – 4) nhóm trình bày trước lớp.
- Từng HS viết bài vào vở. Một số HS đọc bài trước lớp. GV và HS nhận xét.
- Từng HS tự sửa đoạn văn đã viết; đổi bài cho bạn để sửa chữa hoàn chỉnh bài viết.

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc các bài viết về hoạt động của học sinh ở trường.

(Trong buổi học trước, HS được giao nhiệm vụ tìm đọc các bài viết về hoạt động của học sinh ở trường. GV có thể chuẩn bị một số bài viết phù hợp và cho HS đọc ngay tại lớp.)

- HS đọc lại yêu cầu trong SHS.
- HS giới thiệu bài đọc mà mình đã chọn (có thể do GV cung cấp hoặc GV đã hướng dẫn HS chuẩn bị).
- HS tự đọc hoặc cả nhóm cùng đọc.
- Chia sẻ bài đọc với bạn theo nhóm hoặc trước lớp.

2. Nói với bạn về hoạt động em yêu thích.

- Một HS nhắc lại một số hoạt động của học sinh ở trường.
- HS quan sát tranh minh họa, lưu ý gợi ý qua bóng nói.
- Một số (2 – 3) HS chia sẻ với lớp về hoạt động yêu thích nhất, theo gợi ý trong bóng nói SHS.
- Một số HS khác nhận xét. GV nhận xét, đánh giá chung và khen ngợi những HS biết chia sẻ điều đọc được.

CỦNG CỐ

- HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính: Đọc bài *Nhóm nêu kết bạn*; rèn chính tả phân biệt *g/ gh, iu/ ưu* hoặc *iên/ iêng*; mở rộng vốn từ chỉ đặc điểm, hoạt động; luyện viết câu nêu hoạt động, viết đoạn văn kể về một giờ ra chơi,...
- GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.
- GV giao nhiệm vụ cho HS: Tiếp tục tìm đọc các bài viết về hoạt động của HS ở trường.